

Bản án số: 52 / 2023/ HSST
Ngày: 25/ 9/ 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiến và ông Nguyễn Hà Giang.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Cao Cường - Thẩm tra viên
Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Đăng Chuẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2023/TLST - HS ngày 28 tháng 8 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/ QĐXXST- HS ngày 14 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

- Họ và tên bị cáo: Lê Thị L, sinh năm 1988; nơi sinh tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: Khu phố 6, thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn X và bà Lê Thị H; có chồng anh Đinh Trọng L (đã ly hôn năm 2023) và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Đinh Trọng L1; sinh năm 1974; trú tại: Thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- Anh Đinh Trọng D; sinh năm 1988 và chị Lã Thị Vân A, sinh năm 1993; cùng trú tại: Thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, đều vắng mặt.

- Anh Phạm Ngọc G; sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị Kim D; cùng trú tại: Thôn V, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Số nhà 02, đường Trần N, phố P, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đều vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Thanh T; chị Lâm Thị H; ông Thái Doãn G; anh Nguyễn Xuân H; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Lê Thị L kết hôn với anh Đinh Trọng L1, hai vợ chồng được bố mẹ đẻ của anh L1 cho 167,8m² đất thuộc thửa đất số 625, tờ bản đồ số 21 ở thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Ngày 05/3/2020, anh L1 và chị L được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số “CU470303, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00013; mang tên ông Đinh Trọng L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: Xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình”. Ngày 15/12/2020, anh L1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Do cần tiền kinh doanh và trả nợ tiền làm nhà nên ngày 31/12/2020 L nhờ chị Lâm Thị H, sinh năm 1992 trú tại xóm 8, xã K, huyện Y tìm người giống anh L1 cùng L mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đến Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB), chi nhánh Ninh Bình ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay số tiền 598.000.000 đồng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - bản chính được ngân hàng lưu trong hồ sơ vay vốn tại ngân hàng. Số tiền vay được L đã trả nợ tiền làm nhà, đầu tư mở cửa hàng quán kinh doanh trà sữa và có trả một phần tiền gốc và lãi vay ngân hàng theo định kỳ.

Do cần tiền để tiếp tục kinh doanh, L nảy sinh ý định đặt mua “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” giả để bán đất, vay tiền. Ngày 07/10/2021 theo yêu cầu của đối tượng làm giả trên mạng xã hội, L sử dụng tài khoản Zalo “Lê L” nhắn tin và chụp bản photo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” của mảnh đất hai vợ chồng được cho gửi cho người này (L không nhớ thông tin về tài khoản). Ngày 11/10/2021, L nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất làm giả và đã chuyển số tiền 9.000.000 đồng từ khoản ngân hàng số 19031392544015 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) của mình với nội dung: “Ck anh minh” đến số tài khoản 020087850413 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) để trả tiền công làm giả “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” theo thỏa thuận.

Xác định sẽ ly hôn với anh L1 thì L sẽ được hưởng một nửa phần tài sản là diện tích đất chung của vợ chồng và cần tiền để kinh doanh nên L tìm người bán phần đất mà L sẽ được hưởng sau khi ly hôn. Anh Đinh Trọng D, sinh năm 1988 và vợ là chị Lã Thị Vân A, sinh năm 1993 cùng trú tại số nhà 24, ngõ 6, đường Phạm T, phố T, phường B, thành phố Ninh Bình (anh D là cháu ruột của anh Đinh Trọng L1) muốn mua lại nhưng không đủ tiền nên rủ anh Phạm Văn G, sinh năm 1987 trú tại thôn V, xã N, thành phố Ninh Bình (Chỗ ở hiện nay: Số nhà 02, đường Trần Nhân T, phố P, phường B, thành phố Ninh Bình). Cả hai cùng thống nhất để anh G liên hệ với L để mua đất và không cho L biết việc này. Sau đó, anh G đã gặp hỏi

mua phần đất của L, L đồng ý bán với giá 250.000.000 đồng. Ngày 19/01/2022, anh G cùng vợ là chị Nguyễn Thị Kim D đến cửa hàng trà sữa của L ở thôn Đường 10, xã K đưa cho L số tiền 250.000.000 đồng, L giao cho anh G 01 “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được làm giả mà L đã mua được trên mạng xã hội, hai bên chỉ thỏa thuận mua bán bằng miệng không làm hợp đồng hay biên nhận gì. Khoảng đầu tháng 8/2022, vợ chồng anh D và chị Vân A đã liên hệ với anh G để mua lại toàn bộ phần đất này; anh G đồng ý và thống nhất giá là 500.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng anh D thông báo cho L thì L cũng đồng ý. Ngày 08/8/2022, anh G mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà L đưa trước đó giao cho anh Đinh Trọng D tại nhà anh D; đồng thời anh D chuyển khoản cho anh G số tiền 500.000.000 đồng.

Ngày 09/8/2022, anh D cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Y để kiểm tra. Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Y nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả nên anh D đã trình báo cơ quan Công an.

Quá trình điều tra cơ quan CSĐT thu giữ:

- Anh Đinh Trọng D giao nộp: 01 “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CU470303, số vào sổ cấp GCN: CS 00013; mang tên ông Đinh Trọng L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: Xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình cấp ngày 05/03/2020 (*Bản do anh G giao lại*).

- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB), chi nhánh Ninh Bình cung cấp: 01 “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” số CU470303, số vào sổ cấp GCN: CS 00013; mang tên ông Đinh Trọng L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: Xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình cấp ngày 05/3/2020. Tại trang 4, dưới mục “*Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý*” ghi: “31/12/2020: TC bằng QSD đất thửa 625, tờ 21 tại NHTMCP Phương Đông - CN Ninh Bình theo HĐ số 0196/2020/HĐTC- OCB – CN ngày 31/12/2020” và có xác nhận của Phó Giám đốc Nguyễn Thanh T (*Bản chính*) và các hợp đồng thế chấp.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã gửi “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” do anh Đinh Trọng D giao nộp cùng các giấy tờ tài liệu đã thu giữ để tiến hành giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 847/KL-KTHS-TL ngày 12/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU470303, số vào sổ cấp GCN: CS 00013 mang tên ông Đinh Trọng L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: Xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đề ngày 05/03/2020 - do anh Đinh Trọng D giao nộp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU470303, số vào sổ cấp GCN: CS 00013 mang tên ông Đinh Trọng L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: Xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đề ngày 05/03/2020 (Tại trang 4, dưới mục "*Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý*" ghi: "31/12/2020, TC bằng QSD đất thửa 625... ngày 31/12/2020) do Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB), chi nhánh Ninh Bình cung cấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 15/12/2022, anh Đinh Trọng L1 về nước làm thủ tục ly hôn với Lê Thị L. Sau đó, anh L1 và L đã thỏa thuận với vợ chồng anh Đinh Trọng D và chị Lê Thị Vân A về việc: Anh L1 và L mỗi người sẽ trả lại cho vợ chồng anh D số tiền là 250.000.000 đồng. Anh L1 đã trả số tiền như đã thỏa thuận, còn L chưa trả. Ngày 18/4/2023, anh L1 và L ủy quyền cho chị Đinh Thị H, sinh năm 1994 trú tại thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (là cháu anh L1) tất toán hợp đồng chế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB), chi nhánh Ninh Bình và nhận lại "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*". Anh L1, vợ chồng anh D, anh Phạm Văn G và Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB) không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Về xử lý vật chứng: Sau khi giám định cơ quan CSĐT đã trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB), chi nhánh Ninh Bình: Toàn bộ hồ sơ thế chấp tài sản vay tiền giữa Lê Thị L với ngân hàng.

Đối với 01 túi niêm phong ký hiệu PS1, mã số 1907753 bên trong có 01 "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*" số CU470303, số vào sổ cấp GCN: CS 00013; mang tên ông Đinh Trọng L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình cấp ngày 05/03/2020 (Bản chính) hoàn trả sau giám định là giấy chứng nhận giả được chuyển đến chi cục thi hành án dân sự huyện Y để giải quyết theo vụ án.

Quá trình điều tra Lê Thị L thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Lê Thị L, ra trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử về tội: "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1, khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá hành vi của bị cáo đã kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo L về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức",

- Tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị L với mức án tù 06 tháng 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CU470303, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00013; mang tên ông Đinh Trọng L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, là vật chứng cấm lưu hành.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Đinh Trọng L1, anh Đinh Trọng D, chị Lã Thị Vân A, anh Phạm Văn G và Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB) không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và bản kết luận giám định cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo L kết hôn với anh L1, được bố mẹ anh L1 cho 167,8m² đất thuộc thửa đất số 625, tờ bản đồ số 21 ở thôn P, xã K, huyện Y. Ngày 05/3/2020, anh L1 và L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số “CU470303, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00013; mang tên ông Đinh Trọng L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1988. Ngày 15/12/2020, anh L1 đi xuất khẩu lao

động tại Đài Loan. Do cần tiền kinh doanh và trả nợ tiền làm nhà nên ngày 31/12/2020 bị cáo L nhờ chị H, tìm người giống anh L1 và cùng bị cáo L mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng đến Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB), chi nhánh Ninh Bình ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay số tiền 598.000.000 đồng. Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, được lưu trong hồ sơ vay vốn tại ngân hàng. Số tiền vay được bị cáo L đã trả nợ tiền làm nhà, đầu tư mở cửa hàng quán kinh doanh trà sữa và trả một phần tiền gốc và lãi vay cho ngân hàng theo định kỳ. Sau đó do cần tiền để tiếp tục kinh doanh, bị cáo L nảy sinh ý định đặt mua “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” giả để bán đất, vay tiền. Do vậy trong thời gian từ ngày 07/10/2021 đến ngày 11/10/2021, bị cáo L đã thông qua mạng xã hội tìm đất, làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả. L đã chụp ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của vợ chồng, để nhắn tin cung cấp thông tin cho đối tượng làm giả “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” của thửa đất số 625, tờ bản đồ số 21, tại thôn P, xã K, huyện Y với giá 9.000.000 đồng. Bị cáo L tự xác định ly hôn với anh L1, thì bị cáo sẽ được hưởng một nửa diện tích đất là tài sản chung của vợ chồng và do cần tiền kinh doanh nên L tìm người bán phần đất mà L sẽ được hưởng sau khi ly hôn. Sau đó ngày 19/01/2022, L đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả trên để bán phần đất của bị cáo cho anh G với số tiền 250.000.000 đồng và đưa cho anh G Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả. Sau thời gian anh G bán lại cho vợ chồng anh D và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà bị cáo L đưa trước đó giao cho anh D. Sau đó anh D cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Y để kiểm tra, thì nghi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả nên anh D đã trình báo cơ quan Công an.

Tại bản Kết luận giám định số 847/KL-KTHS-TL ngày 12/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU470303, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00013 mang tên ông Đinh Trọng L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: Xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đề ngày 05/03/2020 - do anh Đinh Trọng D giao nộp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU470303, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00013 mang tên ông Đinh Trọng L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: Xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đề ngày 05/03/2020 (Tại trang 4, dưới mục "Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý" ghi: "31/12/2020, TC bằng QSD đất thửa 625... ngày 31/12/2020) do Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB), chi nhánh Ninh Bình cung cấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật.

Nội dung Điều 341 tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức:

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo L đã thông qua mạng xã hội và cung cấp thông tin để làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bán phần đất của bị cáo sau khi ly hôn nêu trên đã phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa kiểm sát viên kết luận, đề nghị xét xử bị cáo phạm tội nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể của Bộ luật hình sự. Bị cáo L là người đã trưởng thành có đủ năng lực, nhận thức và điều khiển hành vi. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nên xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền cũng đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo thành người tốt cho xã hội là phù hợp với tính chất hành vi của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện của bị cáo đang có hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, đối với số tài khoản 020087850413 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín là tài khoản mà bị cáo L đã chuyển số tiền 9.000.000 đồng để đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua xác minh chủ tài khoản là Nguyễn Chính H, sinh ngày 20/7/1995 có số CMND: 187460600 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 19/6/2015, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Quá trình điều tra xác định trên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An không có ai mang tên Nguyễn Chính H, sinh ngày 20/7/1995. Số CMND: 187460600 là của ông

Thái Doãn G, sinh năm 1964 trú tại khối Long P, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Ông G khai nhận không quen biết ai là Nguyễn Chính H và Lê Thị L. Bản thân ông G không sử dụng tài khoản ngân hàng, không bị mất, không cho ai mượn Giấy chứng minh nhân dân để mở tài khoản ngân hàng và cũng không mua, bán các loại giấy tờ. Ngoài ra không có thông tin nào khác liên quan, do đó không có căn cứ xác định người đã làm giả sau đó bán Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bị cáo L.

Đối với chị H là người được bị cáo L nhờ tìm người giống và ký thay anh L1 trong hợp đồng thế chấp để vay tiền ngân hàng OCB, quá trình điều tra xác định do bị cáo nói chồng đi vắng và biết bị cáo L có tài sản thật nên chị H đã tìm người giúp để ký hợp đồng vay vốn. Bản thân chị H không được hưởng lợi gì từ việc này. Khi thực hiện hợp đồng vay vốn bị cáo L không có ý thức chiếm đoạt, vẫn trả gốc và lãi cho ngân hàng theo hợp đồng. Do đó, hành vi của chị H và bị cáo L không phải là tội phạm. Còn người đàn ông chị H nhờ đến để ký hợp đồng cả chị H và bị cáo L không biết người này là ai, ở đâu; kết quả giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên hợp đồng cũng không xác định được là ai nên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với việc bị cáo L thỏa thuận sẽ bán phần đất được chia sau khi ly hôn cho anh G và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho anh G là vi phạm pháp luật trong giao dịch dân sự, tuy nhiên bản thân bị cáo có phần đất sẽ được chia và muốn bán, bị cáo không có ý định chiếm đoạt số tiền của anh G mà tiền đầu tư vào kinh doanh, cũng không dùng tiền vào việc trái pháp luật. Anh L1, anh G, anh D, chị Vân A đều không có yêu cầu đề nghị gì về việc này. Do vậy, hành vi của L không cấu thành tội phạm.

Đối với anh G khi thỏa thuận mua phần tài sản bị cáo L giao bán, anh G không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà bị cáo đưa là giả nên đã bán phần đất này và đưa Giấy chứng nhận cho anh D. Vì vậy, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh G là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CU470303, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00013; mang tên ông Đinh Trọng L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, là vật chứng của vụ án do cầm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Đinh Trọng L, anh Đinh Trọng D, chị Lê Thị Vân A, anh Phạm Văn G và Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB) không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo L là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị L phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 9 năm 2023).

Giao bị cáo Lê Thị L cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CU470303, số vào sổ cấp GCN: CS 00013; mang tên ông Đinh Trọng L, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (trong 01 túi niêm phong ký hiệu PS1, mã số 1907753).

Số vật chứng trên có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/8/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thị L phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung.